

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIÊU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Trinh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Dũng – Ông Ngô Văn Sỹ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Bách – Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2024 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị T – sinh năm 1959, địa chỉ: Số 11 L, phường N, quận L, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Võ Thành A – sinh năm 1952, địa chỉ: Số 386 N, phường B, quận L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Trần Thị T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Trần Thị T và ông Võ Thành A kết hôn năm 1978, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau.

Sau khi kết hôn thì vợ chồng về sinh sống tại phường N được khoảng 03 năm thì chuyển về sinh sống tại phường B, quận L, TP Đà Nẵng. Trong quá trình sinh sống thì từ năm 2016 vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có trách nhiệm với gia đình. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên từ năm 2016 bà Trần Thị T đã dọn ra sống riêng, vợ chồng đã ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Do đó, xét thấy mâu thuẫn

vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm nên bà Trần Thị T đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Bà Trần Thị T xác nhận vợ chồng có 03 người con chung là Võ Thị H – sinh năm 1981, Võ Văn H1 – sinh năm 1986 và Võ Thị T1 – sinh năm 1991. Các con chung đã thành niên nên bà Trần Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ chia tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị T không yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung.

Bị đơn - ông Võ Thành A mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng không đến Tòa án để giải quyết và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu:

- Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, việc giải quyết vụ án được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại BLTTDS, đảm bảo cho các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Quá trình tòa án thụ lý giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đã có ý kiến trình bày quan điểm của mình và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS; mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng không đến Tòa án để tham dự phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

- Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Trần Thị T được ly hôn với ông Võ Thành A; các con chung Võ Thị H – sinh năm 1981, Võ Văn H1 – sinh năm 1986 và Võ Thị T1 – sinh năm 1991 đã thành niên nên không xem xét, giải quyết; về tài sản chung và nợ chung bà Trần Thị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về ly hôn giữa nguyên đơn bà Trần Thị T với bị đơn ông Võ Thành A thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận,

công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại các Điều 208, 209, 210 và 211 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Võ Thành A được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa ông Võ Thành A vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt ông Võ Thành A.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T đối với ông Võ Thành A thì thấy:

[2.1] **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Trần Thị T và ông Võ Thành A đăng ký kết hôn năm 1978 tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Q theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 47, quyển số 1, hôn nhân tự nguyện. Trong quá trình chung sống bà Trần Thị T cho rằng vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng do bất đồng quan điểm sống, ông A không có trách nhiệm với gia đình, từ năm 2016 hai vợ chồng không còn sống chung, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng ông Võ Thành A vắng mặt không có lý do, bỏ mặc cho tình trạng hôn nhân của hai vợ chồng ngày càng trầm trọng.

HĐXX xét thấy, qua xác minh thì chính quyền địa phương nơi ông Võ Thành A đang chung sống xác nhận vợ chồng bà T và ông A thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hiện nay đã sống ly thân khoảng 7-8 năm là sự thật. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa ông A và bà T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Trần Thị T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] **Về quan hệ con chung:** Bà Trần Thị T xác nhận bà và ông Võ Thành A có 03 con chung là Võ Thị Hg – sinh năm 1981, Võ Văn H1 – sinh năm 1986 và Võ Thị T1 – sinh năm 1991. Các con chung đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

HĐXX xét thấy các con chung đã thành niên nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung khi ly hôn là phù hợp.

[2.3] **Về quan hệ chia tài sản chung, nợ chung:** Bà Trần Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung; nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nếu sau này bà Trần Thị T và ông Võ Thành A có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác nếu có yêu cầu.

[3] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[4] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Án phí ly hôn 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), bà Trần Thị T phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân, gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

I. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “Tranh chấp ly hôn” của bà Trần Thị T đối với ông Võ Thành A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị T được ly hôn ông Võ Thành A.

2. Về quan hệ con chung: Các con chung Võ Thị H – sinh năm 1981, Võ Văn H1 – sinh năm 1986 và Võ Thị T1 – sinh năm 1991 đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về quan hệ chia tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị T không yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

II. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Án phí ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), bà Trần Thị T phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0000506 ngày 16.02.2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Bà Trần Thị T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

III. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhân:

- Các đương sự;

- VKSND quận Liên Chiểu;

- Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu;

- UBND xã Đ, huyện Đ,

tỉnh Quảng Nam;

(Giấy chứng nhận kết hôn số số 47, quyển số 1 ngày

22.12.1978)

- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Trinh